

DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt 1 tháng 11/2025 - Lớp: B 3

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
1	NAN011901024	Nguyễn Duy Anh		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
2	NAN011901025	Nguyễn Thị Bảo Châu		1	110.000	11		220.000	11		59.400	389.400			389.400	
3	NAN011901026	Nguyễn Doãn Minh Đức		1	110.000	13		260.000				370.000			370.000	
4	NAN011901027	Trần Văn Trung Đức		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
5	NAN011901028	Nguyễn Duy Giang		1	110.000	17		340.000	16			450.000			450.000	
6	NAN011901029	Nguyễn Gia Hân		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
7	NAN011901030	Nguyễn Duy Hiếu		1	110.000	14		280.000	13		70.200	460.200			460.200	
8	NAN011901031	Nguyễn Sỹ Minh Khang		1	110.000	3		60.000				170.000			170.000	
9	NAN011901032	Trần Tuấn Khang		1	110.000	11		220.000	11		59.400	389.400			389.400	
10	NAN011901033	Nguyễn Thị Kim Khánh		1	110.000	15		300.000	14		75.600	485.600			485.600	
11	NAN011901034	Ng. Thị Khánh Ly		1	110.000	15		300.000	14		75.600	485.600			485.600	
12	NAN011901035	Nguyễn Trần Ngọc Minh		1	110.000	4		80.000				190.000			190.000	
13	NAN011901036	Nguyễn Thị Uyên Nhi		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
14	NAN011901037	Nguyễn Thị Yến Nhi		1	110.000	14		280.000	14		47.250	437.250			437.250	
15	NAN011901038	Chu Văn Phúc		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
16	NAN011901039	Nguyễn Hải Quỳnh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
17	NAN011901040	Lê Diễm Quỳnh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
18	NAN011901041	Đào Xuân Sang		1	110.000	12		240.000	16		86.400	436.400			436.400	
19	NAN011901042	Nguyễn Phi Tài		1	110.000	17		340.000				450.000			450.000	
20	NAN011901043	Võ Thanh Thảo		1	110.000	15		300.000	14		75.600	485.600			485.600	
21	NAN011901044	Nguyễn Phạm Ánh Tiên		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
22	NAN011901045	Vũ Công Tổ		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
23	NAN011901046	Nguyễn Bảo Trâm		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
24	NAN011901047	Nguyễn Đức Minh Trí		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
25	NAN011901048	Nguyễn Tuấn Tú		1	110.000	14		280.000	16		54.000	444.000			444.000	
26	NAN011901049	Vũ Nữ Gia Vy		1	110.000	15		300.000	16		86.400	496.400			496.400	
27	NAN011901203	Nguyễn Duy quốc Bảo		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
28	NAN011901204	Bùi Cẩm Tú		1	110.000	16		320.000	15		50.625	480.625			480.625	
Tổng cộng				28	3.080.000	407		8.140.000	359		1.761.075	12.981.075			12.981.075	

Bằng chữ:

....., Ngày tháng năm

Ban Giám Hiệu

Người lập biểu